

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ KON TUM  
TỈNH KON TUM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2020/ HNGĐ - ST

Ngày 01/9/2020

V/v tranh chấp: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ KON TUM, TỈNH KON TUM**

***-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm Phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Hường.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Nguyễn Thị Sương.

2. Ông Phạm Văn Tiền.

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Đỗ Phương Thảo - Là Thư ký Toà án nhân dân thành phố Kon Tum.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Kon Tum tham gia phiên tòa:*** Ông Nguyễn Hồng Dũng – Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 186/2020/TLST- HNGĐ ngày 29 tháng 5 năm 2020 về tranh chấp “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn:* Anh Trương Văn Th - Sinh năm 1991.

Địa chỉ: Thôn T, xã I thành phố K, tỉnh Kon Tum. (Có mặt).

*2. Bị đơn:* Chị Nguyễn Thị Th1 - Sinh năm 1996.

Địa chỉ: Thôn T, xã I thành phố K, tỉnh Kon Tum. (Vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Tại đơn khởi kiện (đơn xin ly hôn) ngày 28 tháng 5 năm 2020, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn anh Trương Văn Th trình bày:

- Về hôn nhân: Anh Trương Văn Th và chị Nguyễn Thị Th1 có quen biết, tìm hiểu nhau qua mai mối. Được sự đồng ý của hai bên gia đình, anh Th và chị Th1 đã tổ chức lễ cưới hỏi và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã I, thành phố K, tỉnh Kon Tum vào ngày 27/02/2014.

Sau khi cưới vợ chồng ở chung với bố mẹ anh Th. Cuộc sống vợ chồng sau khi kết hôn không có hạnh phúc, do hai bên còn trẻ không có thời gian tìm hiểu nhau kỹ, nên vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi nhau và chị Th1 lại bỏ nhà đi, sau đó lại về. Do mâu thuẫn vợ chồng căng thẳng, nên tháng 10/2019, anh Th gửi đơn đến Tòa án xin ly hôn chị Th1, nhưng chị Th1 hứa sửa chữa, nên anh Th đã rút đơn về. Sau khi về chung sống, tình cảm vợ chồng không có hướng khắc phục, vợ chồng đã sống ly thân không còn quan tâm đến nhau. Tình cảm giữa anh và chị Nguyễn Thị Th1 đã hết, anh yêu cầu được ly hôn với chị Nguyễn Thị Th1g.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Trương Mai L, sinh ngày 08/8/2014. Khi ly hôn, nguyên đơn yêu cầu được nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu chị Nguyễn Thị Th1 cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Vợ chồng không có tài sản chung.

\*Chị Nguyễn Thị Th1 đã được tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng nhưng chị Th1 không đến Tòa án để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và tham dự phiên tòa xét xử sơ thẩm nên không có lời trình bày.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Kon Tum phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án thực hiện đúng theo quy định của pháp luật. Đối với bị đơn không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án đã từ bỏ quyền và nghĩa vụ của mình.

Về nội dung vụ án: Đề nghị HĐXX căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Anh Trương Văn Th được ly hôn chị Nguyễn Thị Th1. Về con chung: Giao cháu Trương Mai L, sinh ngày 08/8/2014 cho anh Trương Văn Th trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Trương Văn Th không yêu cầu chị Th1 cấp dưỡng nuôi con, nên không đề cập. Về tài sản chung không có, nên không đề cập. Anh Trương Văn Th phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 300.000 đồng.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1]. Về thủ tục tố tụng: Anh Trương Văn Th có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum giải quyết ly hôn giữa anh với chị Nguyễn Thị Th1 có nơi cư trú tại thôn T, xã I, thành phố K, tỉnh Kon Tum. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Kon Tum.

Tòa án đã tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng cho bị đơn chị Nguyễn Thị Th1, nhưng chị Th1 không đến tham gia tố tụng tại Tòa án. Tòa án đã triệu tập chị Nguyễn Thị Th1 tham gia phiên tòa sơ thẩm họp lệ lần thứ hai, nhưng chị

Th1 vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc do trở ngại khách quan. Căn cứ vào khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn chị Nguyễn Thị Th1.

[2]. Về nội dung vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Trương Văn Th và chị Nguyễn Thị Th1 kết hôn với nhau trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã I, thành phố K, tỉnh Kon Tum vào ngày 27/02/2014.

Sau khi cưới vợ chồng ở chung với bố mẹ anh Th. Cuộc sống vợ chồng sau khi kết hôn theo anh Th trình bày là vợ chồng sống không có hạnh phúc. Nguyên nhân là do hai bên đến với nhau qua mai mối, không có thời gian tìm hiểu nhau kỹ trước khi kết hôn, nên vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã và chị Th lại bỏ nhà đi, sau đó lại về. Tòa án đã tiến hành xác minh chính quyền địa phương nơi vợ chồng anh Trương Văn Th và chị Nguyễn Thị Th1 sinh sống và gia đình anh Th đã xác nhận vợ chồng anh Th và chị Th1 thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, chị Th đã bỏ nhà đi. Vợ chồng anh Th và chị Th1 đã sống ly thân hai năm nay, không còn quan tâm đến nhau. Như vậy, tình trạng hôn nhân của vợ chồng anh Th và chị Th1 đã quá trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp yêu cầu ly hôn của anh Trương Văn Th.

- Về con chung: Vợ chồng anh Th và chị Th1 có 01 con chung là Trương Mai L, sinh ngày 08/8/2014. Khi ly hôn, anh Th yêu cầu được nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu chị Nguyễn Thị Th1 cấp dưỡng nuôi con.

Hội đồng xét xử xét thấy hiện tại anh Th đang nuôi dưỡng cháu Trương Mai L, chị Nguyễn Thị Th1 lúc đi, lúc về không đảm bảo quyền nuôi dưỡng con chung, nên cần giao cháu Trương Mai L cho anh Trương Văn Th trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Anh Th không yêu cầu chị Th1 cấp dưỡng tiền nuôi con nên Hội đồng xét xử chấp nhận sự tự nguyện của anh Th.

- Về tài sản chung: Vợ chồng anh Th không có tài sản chung, nên không đề cập đến.

[3]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Trương Văn Th phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên.*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 272, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Xử:** Chấp nhận đơn khởi kiện của anh Trương Văn Th đề ngày 28/5/2020.

*Về hôn nhân:* Anh Trương Văn Th được ly hôn chị Nguyễn Thị Th1.

*Về con chung:* Giao cháu Trương Mai L, sinh ngày 08/8/2014 cho anh Trương Văn Th trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục nuôi dưỡng cho đến khi cháu Trương Mai L đủ 18 tuổi. Chị Nguyễn Thị Th1g không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con không cố định. Chị Nguyễn Thị Th1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

*Về án phí dân sự sơ thẩm:* Anh Trương Văn Th phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) nhưng được trừ số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm anh Trương Văn Th đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0003419 ngày 28 tháng 5 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Kon Tum. Anh Trương Văn Th đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (*ngày 01 tháng 9 năm 2020*) anh Trương Văn Th có quyền làm đơn kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh Kon Tum để yêu cầu xét xử phúc thẩm. Đối với bị đơn vắng mặt, thời hạn kháng cáo là 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

*Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh;
- VKSND TP,
- Thi hành án dân sự TP;
- Nguyên đơn;
- Bị đơn;
- UBND xã Ia Chim;
- Lưu hồ sơ.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Hương**

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh;

**TÒA**

- VKSND TP,

- Thi hành án dân sự TP;

- Nguyên đơn;

- Bị đơn;

- UBND phường Quyết Thắng;

- Lưu hồ sơ.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN**